

**HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CĂM-PU-CHIA
VỀ
HỢP TÁC SONG PHƯƠNG ĐỂ LOẠI TRỪ
NẠN BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM VÀ GIÚP ĐỠ
NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN**

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Căm-pu-chia (dưới đây được gọi là “hai Bên”);

Nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa hai nước và thúc đẩy hợp tác song phương để trấn áp nạn buôn bán người;

Cùng nhận thức rằng nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em là sự vi phạm thô bạo nhân quyền và sự chà đạp trắng trợn phẩm giá con người;

Lo ngại sâu sắc rằng nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển về thể chất, tinh thần, tình cảm, nhân cách con người và làm phương hại đến nền tảng và các giá trị của xã hội;

Lưu ý rằng các băng nhóm và tổ chức tội phạm xuyên quốc gia đang tích cực tham gia vào việc buôn bán phụ nữ và trẻ em và loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia này không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến Việt Nam và Căm-pu-chia mà còn gây ảnh hưởng xấu đến toàn khu vực và cộng đồng thế giới nói chung;

Tham khảo Nghị định thư của Liên hợp quốc về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị nạn buôn người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;

Tin tưởng rằng việc trấn áp tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em thông qua hợp tác song phương trong thực thi pháp luật và tổ tụng hình sự là biện pháp hữu hiệu nhằm đảm bảo công lý chống nạn buôn người;

Cam kết rằng hai Bên sẽ thành thực hợp tác để loại trừ nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em, đồng thời bảo vệ và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán;

Đã thỏa thuận như sau:

**PHẦN I
ĐIỀU KHẢO CHUNG**

Điều 1

Trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Buôn bán phụ nữ và trẻ em” nghĩa là việc tuyển chọn, vận chuyển, chuyển nhượng, che giấu hoặc tiếp nhận người bằng biện pháp đe dọa, sử dụng vũ lực hoặc sử dụng các hình thức ép buộc khác, bắt cóc, lừa gạt, lạm dụng quyền lực hoặc chỗ yếu của người bị hại, đưa và nhận tiền hoặc lợi ích khác để đạt được đồng ý của một người nào đó đang quản lý một người khác vì mục đích bóc lột.

“Việc bóc lột” bao gồm: bóc lột hoạt động mại dâm của người khác hoặc các hình thức bóc lột tình dục khác, lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức, nô lệ hoặc làm việc như nô lệ hoặc lấy các bộ phận trên cơ thể của một người nào đó;

2. Sự đồng ý của nạn nhân của việc buôn bán phụ nữ và trẻ em về sự bóc lột có chủ ý nêu tại khoản (1) của điều này sẽ có ý nghĩa trong trường hợp bất cứ biện pháp nào nêu tại khoản (1) được sử dụng.

3. Việc tuyển chọn, vận chuyển, chuyển giao, che giấu hoặc tiếp nhận trẻ em vì mục đích bóc lột sẽ bị coi là “buôn bán” cho dù việc đó không liên quan tới bất cứ biện pháp nào nêu tại mục (1) của điều này.

4. “Trẻ em” là những người dưới mười tám tuổi.

Điều 2

Hai bên thừa nhận rằng các thí dụ về mục đích của việc buôn bán phụ nữ và trẻ em bao gồm, nhưng không giới hạn ở những công việc sau:

1. Mại dâm;
2. Công việc nội trợ kể cả việc làm nhà có tính cưỡng bức hoặc bóc lột;
3. Lao động trẻ em;
4. Làm việc trừ nợ;
5. Hôn nhân giả;
6. Nhận con nuôi giả;
7. Du lịch và giải trí tình dục;
8. Ẩn phẩm khiêu dâm;
9. Ăn xin, lao động nặng nhọc, nguy hiểm và có tính bóc lột;
10. Sử dụng trong các hoạt động tội phạm;
11. Sử dụng ma túy làm phương tiện để làm cho phụ nữ và trẻ em trở thành nô lệ.

PHẦN II

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Điều 3

Hai bên sẽ tiến hành cải cách pháp luật cần thiết và các biện pháp thích hợp khác để đảm bảo khuôn khổ pháp lý trong phạm vi quyền tài phán của mình phù hợp với Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền, Công ước về quyền trẻ em, Công

ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ và các văn kiện về nhân quyền cũng như các Công ước khác liên quan tới trấn áp nạn buôn người mà hai bên đã ký kết.

Điều 4

Hai bên sẽ nỗ lực ngăn chặn nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em thông qua các biện pháp phòng ngừa sau đây:

1. Thực hiện các chương trình giáo dục và dạy nghề cho phụ nữ và trẻ em nhằm tăng cơ hội về giáo dục và việc làm, từ đó làm giảm nguy cơ của nạn buôn bán;
2. Tăng dịch vụ xã hội như hỗ trợ tìm việc làm, tạo thu nhập và cung cấp sự chăm sóc y tế cho phụ nữ và trẻ em dễ trở thành nạn nhân của nạn buôn bán;
3. Tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng về vấn đề buôn bán phụ nữ và trẻ em;
4. Phổ biến thông tin tới cộng đồng về các nguy cơ, hậu quả liên quan tới nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em và về việc kinh doanh mang tính bóc lột đối với phụ nữ và trẻ em.

PHẦN III

BẢO VỆ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN

Điều 5

Những người bị buôn bán được coi là nạn nhân và không bị coi là người phạm tội hoặc người vi phạm pháp luật xuất nhập cảnh. Do đó,

1. Phụ nữ và trẻ em bị buôn bán sẽ không bị buộc tội và truy tố về việc nhập cư bất hợp pháp hoặc mại dâm;
2. Phụ nữ và trẻ em bị buôn bán sẽ không bị giam giữ tại trung tâm giam giữ nhập cư trong thời gian chờ đợi quá trình hồi hương chính thức. Nạn nhân của nạn buôn người sẽ được đặt dưới sự quan tâm của các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên. Các nạn nhân sẽ được bố trí chỗ ở và được bảo vệ phù hợp với quy định pháp luật mỗi nước;
3. Các cơ quan liên quan của hai Bên phải bảo vệ an toàn cho những người bị buôn bán;
4. Các nạn nhân sẽ được đối xử nhân đạo trong suốt quá trình bảo vệ, hồi hương và xét xử tại tòa án.

Điều 6

Hai bên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo đầy đủ các biện pháp bảo hộ pháp lý đối với nạn nhân của nạn buôn bán như sau:

1. Nạn nhân có thể yêu cầu hoàn trả mọi tư trang và tài sản không bị tranh chấp do các cơ quan có thẩm quyền thu giữ trong quá trình bắt giữ;

2. Kẻ phạm tội trong các vụ án buôn bán phải có trách nhiệm trả lại cho nạn nhân những tài sản bất chính mà chúng thu được do buôn bán hoặc bóc lột phụ nữ và trẻ em;

3. Nạn nhân có thể yêu cầu kẻ phạm tội bồi thường mọi thiệt hại do hành vi buôn bán phụ nữ và trẻ em gây ra;

4. Nạn nhân có thể yêu cầu người phạm tội trả tiền cho những dịch vụ mà nạn nhân buộc phải làm do hành động phạm tội gây ra nhưng chưa được trả;

5. Nạn nhân sẽ có quyền tiếp cận thủ tục pháp luật thích hợp để yêu cầu về tư pháp hình sự, khôi phục các thiệt hại và mọi biện pháp khác của tòa án.

PHẦN IV

HỢP TÁC TRÁN ÁP NẠN BUÔN BÁN PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

Điều 7

Các cơ quan có thẩm quyền của hai nước, đặc biệt tại khu vực biên giới sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm khám phá việc buôn bán phụ nữ và trẻ em ở trong nước và qua biên giới, tăng cường công tác điều tra, truy tố người phạm tội và các băng đảng tội phạm liên quan đến các vụ án buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Điều 8

Hai bên sẽ tiến hành chương trình đào tạo đơn phương và song phương cho các cán bộ thực thi pháp luật về thực hiện quy định của pháp luật có thể áp dụng, kỹ năng điều tra và bảo vệ trong các vụ án buôn bán phụ nữ và trẻ em phù hợp với Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, Công ước về quyền trẻ em và các chuẩn mực khác về nhân quyền quốc tế cũng như các nội luật khác có liên quan.

Điều 9

1. Các cơ quan có liên quan của hai nước sẽ hợp tác trao đổi thông tin về các vụ án buôn bán như tuyến đường, địa điểm buôn bán, việc nhận dạng những kẻ buôn bán, mạng lưới, phương thức buôn bán và dữ liệu về những người bị buôn bán cũng như các thông tin liên quan khác.

2. Tin tức và chứng cứ thu được theo mục 1 của điều này phải kịp thời chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên để áp dụng các biện pháp theo pháp luật như truy nã tội phạm, điều tra, truy tố người phạm tội và tiến hành các thủ tục xét xử khác.

3. Công an và các cơ quan có thẩm quyền thích hợp khác của nước liên quan phải thực hiện chương trình bảo vệ cần thiết để bảo đảm an toàn cho các nạn nhân và nhân chứng tránh sự trả thù hoặc đe dọa trong và sau quá trình xét xử nếu thấy cần thiết.

4. Tính bí mật của các tin tức, chứng cứ trao đổi cho nhau phải được bảo đảm và các tin tức và chứng cứ đó không được trao cho Bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp.

Điều 10

Hai Bên sẽ ủy quyền cho các cơ quan hữu quan bắt đầu soạn thảo, đàm phán để tiến tới ký Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự, dân sự nhằm tạo dựng cơ sở vững chắc cho việc hợp tác song phương trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm có liên quan đến hai nước, trong đó có tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em.

PHẦN V

HỒI HƯƠNG VÀ TÁI HÒA NHẬP

Điều 11

1. Hai Bên sẽ sử dụng kênh liên lạc ngoại giao để thu xếp việc hồi hương cho các nạn nhân bị buôn bán.

2. Việc hồi hương của những nạn nhân bị buôn bán sẽ được thu xếp nhanh chóng, an toàn, tôn trọng nhân phẩm của nạn nhân trở về và được tiến hành theo hướng có lợi nhất cho họ, theo điều kiện và chính sách của mỗi Bên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

3. Nạn nhân sẽ được hai Bên giúp đỡ nhân đạo khi hồi hương.

Điều 12

1. Khi cần thiết, mỗi Bên sẽ thành lập Nhóm Công tác gồm đại diện các cơ quan có thẩm quyền của mình để tiến hành quá trình hồi hương cho các nạn nhân bị buôn bán.

2. Nhóm Công tác của mỗi Bên có nhiệm vụ sau đây:

- Thu xếp việc hồi hương cho những nạn nhân bị buôn bán;
- Tiến hành việc hồi hương những nạn nhân bị buôn bán đã được thu xếp;
- Bảo đảm an ninh cho những nạn nhân bị buôn bán trong quá trình hồi hương.

3. Nhóm Công tác của hai Bên sẽ gặp gỡ nhau khi cần thiết. Thời gian và địa điểm gặp gỡ do hai Bên thỏa thuận.

Điều 13

1. Hai Bên sẽ nỗ lực để những nạn nhân bị buôn bán được tái hòa nhập an toàn và có hiệu quả vào gia đình và cộng đồng nhằm khôi phục phẩm giá, quyền và lòng tự trọng của họ.

2. Vì mục đích này, hai Bên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để đạt được những mục tiêu sau đây:

- Các nạn nhân của nạn buôn bán người và gia đình họ sẽ được nhận sự giúp đỡ về xã hội, y tế, tâm lý và sự giúp đỡ cần thiết khác, đặc biệt là những người bị nhiễm các bệnh lây qua đường tình dục và bệnh HIV/AIDS;

- Phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của việc buôn bán người sẽ không bị xã hội phân biệt đối xử hoặc sỉ nhục;

- Nạn nhân là trẻ em đang ở tuổi đến trường sẽ được bảo đảm các cơ hội giáo dục phù hợp.

PHẦN VI CƠ QUAN THỰC HIỆN

Điều 14

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ định Bộ Công an Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Căm-pu-chia chỉ định Bộ Công tác Phụ nữ Căm-pu-chia là cơ quan thực hiện Hiệp định này với sự hỗ trợ của Nhóm Công tác bao gồm đại diện của các Bộ liên quan.

Điều 15

Cơ quan thực hiện có các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng chiến lược, đường lối chỉ đạo, cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực cần thiết khác để thực hiện Hiệp định này, báo cáo Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương giữa Việt Nam và Căm-pu-chia tại cuộc họp hàng năm của Ủy ban;

2. Đưa ra những kiến nghị về việc phát triển hơn nữa sự hợp tác lẫn nhau trong đấu tranh chống buôn bán phụ nữ và trẻ em;

3. Tổ chức xem xét và đánh giá việc thực hiện Hiệp định này 2 năm một lần để rút kinh nghiệm cho những năm tới;

4. Giải quyết những tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này thông qua đàm phán. Trong trường hợp không đạt được đồng thuận thông qua đàm phán thì những tranh chấp đó được báo cáo lên Chính phủ hai Bên giải quyết;

5. Quyết định việc thành lập, quản lý và chỉ đạo hoạt động của Nhóm Công tác được quy định tại Điều 12 của Hiệp định này.

PHẦN VII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 16

1. Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản của cả Hai Bên. Các điều khoản đã được cả hai Bên đồng ý sửa đổi hoặc bổ sung sẽ được coi là nội dung Hiệp định và có cùng hiệu lực như Hiệp định này.

2. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản khẳng định hai Bên đã hoàn thành các thủ tục pháp lý nội bộ để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này có giá trị trong thời gian 5 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm 5 năm tiếp theo, trừ khi một trong hai Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định ít nhất 3 tháng trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

3. Việc chấm dứt Hiệp định này không ảnh hưởng đến bất kỳ tiến trình nào đã bắt đầu trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

4. Hiệp định này làm tại Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2005, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh; tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

**Thay mặt Chính phủ nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

(Đã ký)

**Đại tướng Lê Hồng Anh
Bộ trưởng Bộ Công an**

**Thay mặt Chính phủ
Hoàng gia Căm-pu-chia**

(Đã ký)

**Tiến sỹ Ing Kantha Phavi
Bộ trưởng Bộ Công tác phụ nữ**